

Bản án số: **28/2018/HNGĐ-ST**

Ngày 28.6.2018

V/v “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Tấn Đạt

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Kim

- Thư ký phiên tòa: Bà Thị Thúy Kiều-Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng tham gia phiên tòa: Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

Ngày 28 tháng 6 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2018/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 4 năm 2018 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2018/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phan Thanh V, sinh năm 1982.

Địa chỉ cư trú: Số nhà 62, tổ 3 ấp LMB, xã TY A, huyện U, tỉnh Kiên Giang.
(có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1979.

Địa chỉ cư trú: Số nhà 62, tổ 3 ấp LMB, xã TY A, huyện U, tỉnh Kiên Giang.
(vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện vụ án ly hôn đề ngày 20 tháng 3 năm 2018 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, Nguyên đơn ông Phan Thanh V trình bày:

Về hôn nhân: Ông Phan Thanh V và bà Nguyễn Thị H được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương vào năm 2000, đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã TY A, huyện AB (nay thuộc huyện U), tỉnh Kiên Giang vào ngày 20/7/2004. Ông V và bà H chung sống đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp trong cách sống, thường xảy ra cự cãi. Hai bên gia đình hàn gắn tình cảm cho ông, bà nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên ông V và bà H sống ly thân khoảng 06 năm nay. Ông V yêu cầu được ly hôn với bà H.

Về con chung: Quá trình chung sống ông V và bà H có sinh được hai người con chung tên Phan Quốc Kiệt, sinh ngày 26/5/2001, giới tính nam và Phan Thành Phong, sinh ngày 31/5/2011, giới tính nam. Ông V đang nuôi dưỡng Quốc Kiệt. Bà H đang nuôi dưỡng Thành Phong. Khi ly hôn ông V yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng Quốc Kiệt, đồng ý để bà H tiếp tục nuôi dưỡng Thành Phong. Ông V không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông V và bà H không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa: Ông V giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với bà H; yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng Quốc Kiệt, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị H được Tòa án triệu tập lần thứ hai tham gia phiên tòa xét xử, nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt bà H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông V và bà H được bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương vào năm 2000, đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy

ban nhân dân xã TY A, huyện AB (nay thuộc huyện U), tỉnh Kiên Giang vào ngày 20/7/2004. Nên quan hệ hôn nhân giữa ông V và bà H là hợp pháp.

[3] *Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn*: Ông V yêu cầu ly hôn với bà H, vì cho rằng trong quá trình chung sống do tính tình không hợp nên thường xảy ra mâu thuẫn, cự cãi, khiến cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Ông V và bà H sống ly thân khoảng 06 năm nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà H.

Xét thấy ông V và bà H sống ly thân khoảng 06 năm nay, mỗi người có cuộc sống riêng, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Hai bên gia đình đã hàn gắn tình cảm cho vợ chồng nhưng không mang lại kết quả.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy đời sống hôn nhân của ông V và bà H đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông V được ly hôn với bà H.

[4] *Về con chung*: Ông V yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng Quốc Kiệt, đồng ý để bà H tiếp tục nuôi dưỡng Thành Phong.

Xét thấy cháu Kiệt đang sống ổn định với ông V, được chăm sóc và giáo dục tốt, đồng thời tại bản tự khai cháu Kiệt cũng có nguyện vọng được sống với ông V. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Kiệt cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà H không có ý kiến về quan hệ con chung, nhưng xét thấy cháu Phong đang sống với bà H, nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Phong cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

[5] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Ông V không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà H không có ý kiến về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông V, bà H có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Ông V cho rằng giữa ông và bà H không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Ông V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Phan Thanh V được ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Quốc Kiệt, sinh ngày 26/5/2001, giới tính nam cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng (cháu Kiệt đang sống với ông V).

Giao cháu Phan Thành Phong, sinh ngày 31/5/2011, giới tính nam cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng (cháu Phong đang sống với bà H).

Ông V không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà H không có ý kiến về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông V, bà H có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông V cho rằng giữa ông và bà H không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Ông Phan Thanh V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông V

đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0006877, ngày 06/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng và Ủy ban nhân dân xã TY A, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự cùng cấp;
- Ủy ban nhân dân xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*đã ký*)

Trần Văn Chính